

Số: ~~1468~~/QĐ-UBND

TP. Sóc Trăng, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Bộ chỉ số Cải cách hành chính
của UBND 10 phường trên địa bàn thành phố Sóc Trăng năm 2021.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 3449/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
UBND Tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành Bộ Chỉ số CCHC của các Sở, ngành, đơn
vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện,
thị xã, thành phố và các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ thành phố Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay điều chỉnh Bộ Chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) của Ủy ban nhân dân 10 phường năm 2021 trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.

(Đính kèm phụ lục)

Điều 2.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường có trách nhiệm tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC của đơn vị mình và tổng hợp số liệu báo cáo kết quả Chỉ số CCHC gửi về phòng Nội vụ thành phố.

2. Trưởng phòng Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện chỉ số CCHC của 10 phường; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo và trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố Chỉ số CCHC 10 phường; đồng thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh quyết định thành lập Tổ thẩm định Chỉ số CCHC để đánh giá việc thực hiện công tác CCHC phường hàng năm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố Sóc Trăng về việc Ban hành chỉ số CCHC của UBND các phường trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng phòng Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký. *lu*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nội vụ;
- TT. Thành ủy, TT. HĐND Tp;
- CT, các PCT UBND Tp;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VP; NV.

ra



CHỦ TỊCH

Quan
Nguyễn Văn Quận



PHỤ LỤC
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC PHƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1468 /QĐ-UBND ngày 09/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Sóc Trăng)

STT	Định vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
I	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC	67					Đơn vị báo cáo
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	16					
1.1	Kế hoạch CCHC hàng năm	2					
1.2	Mức độ triển khai thực hiện kế hoạch CCHC hàng năm	2					
1.3	Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ theo quy định	2					Đơn vị báo cáo
1.4	Kiểm tra công tác CCHC	1					Đơn vị báo cáo
1.4	Có khắc phục những hạn chế sau khi có thông báo kết quả kiểm tra của UBND thành phố	1					
1.5	Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính	3					Đơn vị báo cáo
1.5.1	Thực hiện tuyên truyền CCHC trên Cổng thông tin điện tử UBND thành phố	1					
1.5.2	Thực hiện hình thức tuyên truyền CCHC khác	1					
1.5.3	Tích cực tham gia các phong trào tuyên truyền CCHC do thành phố phát động	1					
	<i>80% CBCC của đơn vị tham gia phân thi kiến thức trên phần mềm trực tuyến tìm hiểu về CCHC</i>	<i>0.5</i>					
	<i>100% Số lượng CBCC tham gia dự thi có tổng số câu trả lời đúng đạt từ 06 câu trở lên.</i>	<i>0.5</i>					
1.6	Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành CCHC	3					Đơn vị báo cáo
1.6.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng đối với CBCC của đơn vị	0.5					
1.6.2	Người đứng đầu phụ trách công tác CCHC của đơn vị	0.5					



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
1.6.3	Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC	2					
1.7	Thực hiện các nhiệm vụ do UBND thành phố giao	2					
1.8	Thực hiện chấm điểm, xác định chỉ số CCHC	1					Đơn vị báo cáo
	Đơn vị báo cáo kết quả về UBND thành phố	1					
2	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	5					
2.1	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)	1.5					
2.1.1	Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. (Kế hoạch riêng hoặc nằm trong kế hoạch chung CCHC của phường)	1					
2.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	0.25					
2.1.3	Kiến nghị, xử lý kết quả rà soát	0.25					
2.2	Triển khai hướng dẫn kịp thời, đầy đủ nội dung các văn bản QPPL của nhà nước cấp trên ban hành đến CBCC và người dân địa phương (Đánh giá tỷ lệ % số VB QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định so với tổng số văn bản QPPL do cấp trên ban hành mà phường phải thực hiện)	1					
	<i>100% số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định</i>	<i>0.5</i>					
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định</i>	<i>0.25</i>					
	<i>Từ 60% đến dưới 80% số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định</i>	<i>0.25</i>					
	<i>Dưới 60% số văn bản QPPL được triển khai đầy đủ, kịp thời và đúng quy định</i>	<i>0</i>					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
2.3	Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật	1.5					
2.3.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch đã ban hành (Nếu không ban hành kế hoạch thì tiêu chí thành phần này không có điểm)	0.5					
2.3.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0.5					
2.3.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	0.5					
2.4	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	1					
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)	13					
3.1	Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trong năm	4					Đơn vị báo cáo
3.1.1	Tổ chức rà soát TTHC	2					
3.1.2	Có đề xuất cụ thể phương án đơn giản hóa TTHC	2					
3.2	Công bố, công khai đầy đủ, kịp thời 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở làm việc	2					
3.3	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.	1					
3.4	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	2					Đơn vị báo cáo
3.4.1	Tỷ lệ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa	1					
	<i>Đạt 100%</i>	<i>1</i>					
	<i>Dưới 100%</i>	<i>0</i>					
3.4.2	Có TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông theo quy định	1					Đơn vị báo cáo
	<i>Liên thông cùng cấp</i>	<i>0.5</i>					Đơn vị báo cáo
	<i>Liên thông giữa các cấp</i>	<i>0.5</i>					
3.5	Kết quả giải quyết TTHC	4					
	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND phường tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
3.5.1	Từ 90% - dưới 100% hồ sơ giải quyết đúng hạn	1					Đơn vị báo cáo
	Dưới 90% hồ sơ giải quyết đúng hạn	0					
3.5.2	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết TTHC	1					
3.5.3	Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC tại UBND phường	2					
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC	4					
4.1	Ban hành Quy chế làm việc của UBND phường theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế địa phương (Sửa đổi, bổ sung)	1					
4.2	Ban hành Quy chế tiếp công dân	1					
4.3	Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy, quy định về việc bố trí biên chế.	1					
4.4	Số lượng cán bộ, công chức và lực lượng không chuyên trách cấp xã hiện đang có mặt không vượt so với quy định	1					
5	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	6					
5.1	Việc bố trí cán bộ, công chức theo đúng số lượng, trình độ chuyên môn.	0.5					
5.2	Việc quản lý và cập nhật hồ sơ cán bộ, công chức đúng quy định (Lưu trữ hồ sơ đầy đủ thành phần, quy cách,)	0.5					
5.3	Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức hàng năm	1					
5.4	Tỉ lệ cán bộ, công chức phường được đưa đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	0.5					Báo cáo của đơn vị
5.5	Kết quả thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định	1					Báo cáo của đơn vị
5.6	Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ công chức tại đơn vị	1.5					Báo cáo của đơn vị
	Trong năm không có cán bộ, công chức vi phạm đến mức bị kỷ luật	1.5					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
	<i>Trong năm có cán bộ, công chức vi phạm đến mức bị kỷ luật</i>	0					
5.7	Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức Phường	1					
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6					
6.1	Công khai dự toán và quyết toán ngân sách (năm trước liền kề) theo quy định	1					
6.2	Đơn vị đã xây dựng và cập nhật bổ sung kịp thời quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công.	2					Báo cáo của đơn vị
6.3	Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị năm trước liền kề	3					Báo cáo của đơn vị
	<i>Đơn vị có chi tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức với mức chi tối thiểu 0,2 lần lương cơ sở/người/tháng</i>	3					
	<i>Đơn vị có chi tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức với mức chi tối thiểu dưới 0,2 lần lương cơ sở/người/tháng</i>	2					
	<i>Đơn vị không chi tăng thu nhập cho cán bộ, công chức: 0đ</i>	0					
7	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ	17					Đơn vị báo cáo
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin	15					
7.1.1	Xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	2					
7.1.2	Công khai thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	1					
7.1.3	Tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính trên môi trường điện tử	2					
7.1.4	Cung cấp dịch vụ công (trực tuyến, bưu chính công ích)	4					
7.1.5	Đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC	2					
7.1.6	Các phần mềm dùng chung	1.5					
7.1.7	Công khai cập nhật thông tin về số điện thoại, hộp thư điện tử của lãnh đạo đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của đơn vị	2					
7.2	Áp dụng ISO trong hoạt động	2					
	<i>Công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 (QLCL)</i>	1					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
	<i>Duy trì cập nhật, cải thiện hệ thống QLCL</i>	1					
II	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	33					
1	Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC	17.5					
1.1	Nâng cao chỉ số CCHC của đơn vị	1.5					Đơn vị báo cáo
1.2	Sự quan tâm của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC tại đơn vị	1					ĐTXHH
1.3	Nâng cao mức độ am hiểu, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức	1					ĐTXHH
1.4	Mức hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính	10					ĐTXHH
	Hiệu quả tác động của cải cách đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	4					Đơn vị báo cáo
	<i>Diện tích màu lương thực, thực phẩm và cây công nghiệp ngắn ngày</i>	0.5					
	<i>Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn</i>	0.5					
	<i>Số lượng gia súc, gia cầm</i>	0.5					
	<i>Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản</i>	0.25					
	<i>Tỷ lệ người dân tham gia BHYT</i>	0.25					
	<i>Tỷ lệ hộ nghèo</i>	0.25					
1.5	<i>Số hộ đăng ký kinh doanh mới trong năm</i>	0.25					
	<i>Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia</i>	0.25					
	<i>Tỷ lệ tham gia BHXH của lực lượng lao động trong độ tuổi</i>	0.25					
	<i>Giải quyết việc làm mới</i>	0.25					
	<i>Dạy nghề (kể cả tư nhân)</i>	0.25					
	<i>Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung</i>	0.25					

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
	<i>Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường</i>	0.25					
2	Tác động của cải cách đến chất lượng VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước do địa phương ban hành.	2					ĐTXHH
2.1	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố.	0.5					
2.2	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, Thị xã, thành phố.	0.5					
2.3	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, Thị xã, thành phố.	0.5					
2.4	Tính kịp thời trong việc phát hiện và đề xuất xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của huyện, thị xã, thành phố	0.5					
3	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy	2.5					ĐTXHH
3.1	Tính hợp lý trong sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý	0.5					
3.2	Tình hình thực hiện quy chế làm việc	0.5					
3.3	Tính hợp lý trong phân công chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý	0.5					
3.4	Mối quan hệ, phối hợp giữa các phòng với UBND Phường	0.5					
3.5	Mức độ tiến bộ trong thực hiện quản lý, điều hành theo chức năng nhiệm vụ so với năm trước liền kề	0.5					
4	Tác động của cải cách đến cán bộ, công chức	4.5					ĐTXHH
4.1	Thực hiện phân công, bố trí công chức theo đúng vị trí, việc làm được phê duyệt	0.5					
4.2	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách (khen thưởng, nâng lương, ...) đối với CBCC	0.5					
4.3	Thực hiện đánh giá, phân loại CBCC dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực của CBCC	1					
4.4	Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong phối hợp, xử lý công việc của CBCC	0.5					
4.5	Tinh thần trách nhiệm đối với công việc trong phối hợp xử lý công việc	0.5					



STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự chấm			Tổng số điểm đạt được	Ghi chú
			Điểm Điều tra XHH (1)	Tự chấm (2)	UBND thành phố đánh giá (3)		
4.6	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân trong phối hợp, xử lý công việc	0.5					
4.7	Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hình chính của CBCC	0.5					
4.8	Mức độ hoàn thiện các kỹ năng phần mềm cần thiết đối với CBCC	0.25					
4.9	Tình trạng tiêu cực trong bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương	0.25					
5	Tác động của cải cách đến tài chính công	3					ĐTXHH
5.1	Đánh giá về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí	1					
5.2	Tính hiệu quả trong thực hiện tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí	1					
5.3	Đánh giá về tình hình tuân thủ quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và đảm bảo quy định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công	1					
6	Tác động của cải cách đến xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử.	3.5					ĐTXHH
6.1	Tác động của cải cách đến việc ứng dụng CNTT trong hoạt động	2.5					
6.1	Hiệu quả sử dụng các phần mềm dùng chung (phần mềm QLVB, Một cửa điện tử, Quản lý tài sản, ...)	1					
6.2	Mức độ đáp ứng và giá trị của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị	0.5					
	Chất lượng, hiệu quả xử lý công việc trên môi trường mạng	0.5					
	Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức tại đơn vị về chuyển đổi số.	0.5					
6.2	Tác động của Cải cách đến việc áp dụng ISO trong hoạt động.	1					ĐTXHH
Cộng		100					

XẾP LOẠI:
Trên 90 điểm: Rất tốt
Từ 80 đến 90 điểm: Tốt
Từ 65 đến dưới 80 điểm: Khá
Từ 50 đến dưới 65 điểm: Trung bình
Dưới 50 điểm: Kém